TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 159/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2019
V/v Ly hôn giữa ông Đ và bà L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Thanh Vũ
2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1976; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ *(có mặt)*

2. *Bị đơn*: Ông Phan Thị Yến L, sinh năm 1977; Trú tại: Ấp T, xã T, hyện C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Lê Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 1997, do mai mối, tìm hiểu ông và bà Phan Thị Yến L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 08/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thạnh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống tình cảm hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải nhau nên bà L bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu xin ly hôn với bà L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Lê Quốc K, sinh ngày 15/12/1998 và cháu Lê Nhựt L, sinh ngày 12/9/2000, hiện cháu đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn chị Phan Thị Yến L trình bày: Chị Loan thống nhất lời trình bày của ông Lê Văn Đ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân, thời gian sống ly thân. Qua yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đ thì bà L đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hiện các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Văn Đ và bà Phan Thị Yến L.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Lê Quốc K, sinh năm 1998 và cháu Lê Nhựt L, sinh năm 2000. Hiện các cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Đ và bà L xác định không có, không xem xét giải quyết.

Nghĩa vụ chung: Ông Đ và bà L xác định không có.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Ông Đ phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn, nghĩa vụ chung. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc tham gia tố tụng: Bị đơn bà Phan Thị Yến L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông Đ và bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định xác định là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng thừa nhận thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng rất

hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải nhau dẫn đến ly thân. Vợ chồng xác định thời gian sống ly thân trong thời gian dài nhưng vợ chồng không quan tâm lẫn nhau. Ông Đ nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng tiến hành hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà L vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, ông Đ cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không thể tiếp tục chung sống với bà L, bà L vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bà L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Đ.

Ngoài ra, tại Biên bản xác minh ngày 23/05/2019 xác định: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẩn là do chị Loan tự ý bỏ nhà đi làm ăn xa, khi về kiếm chuyện cãi nhau, từ đó, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẩn tình cảm vợ chồng giữa anh Đ và bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015, ông Đ xin ly hôn với bà L là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Lê Quốc K, sinh năm 1998 và cháu Lê Nhựt L, sinh năm 2000. Hiện các cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông Đ và bà L xác định không có nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nghĩa vụ chung: Ông Đ và bà L xác định không có.

[3] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn ông Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ly hôn giữa ông Lê Văn Đ và bà Phan Thị Yến L là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Văn Đ và bà Phan Thị Yến L.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Lê Quốc K, sinh năm 1998 và cháu Lê Nhựt L, sinh năm 2000. Hiện các cháu đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Đ và bà L xác định không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chung: Ông Đ và bà L xác định không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 001507 ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ. Công nhận ông Đ đã nộp xong.

6. Án tuyên công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng